

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 22/12/2021

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Đệ

2. Bà Trần Thị Ngọc Linh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Hoa- Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đắc Quốc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1994

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có gặp mặt nhau và tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng.

Năm 2016 vợ chồng có đến Ủy ban nhân dân xã O (cũ), huyện T, Bình Thuận để đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc vui vẻ nhưng đến năm 2018, bà phát hiện ông H nghiện ma túy đã khuyên ngăn ông H nhưng ông H không chịu từ bỏ. Từ đó ông H thiếu trách nhiệm với vợ con, thời gian gần đây ông H đánh đập bà nên bà không chịu đựng được và bỏ về nhà ba mẹ tại thị trấn P sinh sống. Ông H có qua nhà ba mẹ bà năn nỉ bà về đoàn tụ nhưng bà không đồng ý trở về vì ông H còn nghiện ma túy.

Hai bên gia đình có biết chuyện của vợ chồng nhưng không hoà giải.

Bản thân cảm thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017, hiện nay con đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ông H có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện ly hôn, tại phiên tòa hôm nay ông H tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Nhân chứng bà Lê Thị Kim H1 trình bày: Vợ chồng C và H sau khi xác lập quan hệ thì sống tại nhà cha mẹ H. Lâu lâu C về nhà kể cho bà nghe việc H nghiện ma túy và không có trách nhiệm với vợ con, bà chỉ biết khuyên C cố gắng khuyên H từ bỏ và sống hoà hợp với gia đình chồng.

Khoảng mấy tháng nay vợ chồng C phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do H nghiện ngập và mượn tiền người khác cờ bạc nên gọi bà qua nói với mẹ chồng xin cho C về nhà bà ở, bà có nhờ người và bà cùng qua Hoà Phú nói chuyện với mẹ H xin cho C về nhà bà ở.

Từ đó mẹ con C ở nhà bà, có 01 lần H qua năn nỉ C về đoàn tụ nhưng C không đồng ý.

Hai bên gia đình không có mâu thuẫn và không hoà giải cho vợ chồng C H.

Việc ly hôn của vợ chồng C thì để C tự quyết định nhưng theo bà nên giải quyết cho C được ly hôn vì H nghiện ma túy.

Về con chung: Vợ chồng C có 01 con chung là Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017, hiện nay đang ở với C, nên giao cho C nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành vì bé N còn nhỏ.

Nhân chứng bà Tạ Thị H2 trình bày: H và C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có gặp mặt nhau và tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng.

Sau khi xác lập quan hệ thì sống tại nhà bà, trong cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc nhưng đôi khi cũng phát sinh mâu thuẫn.

Khoảng 06 tháng nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và C về nhà cha mẹ ở từ đó đến nay. Sau này bà mới biết là do H đánh bạc thua nên C bỏ, vợ chồng bà đã trả khoản nợ này cho C H.

Hôm C về nhà C ở thì mẹ C có đến nhà bà nói chuyện vợ chồng C và xin cho C về nhà ba mẹ ở.

Hai bên gia đình không có mâu thuẫn và cũng không hoà giải cho vợ chồng H.

Việc C trình bày H nghiện ma túy thì việc này là C nói chứ H không nghiện. C đã không còn tình cảm với H và làm đơn xin ly hôn, việc này tôi có thông báo cho H biết vì H hiện không có mặt tại nhà do đi biển dài ngày, ý kiến của H là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của C.

Nếu vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ thì Toà án nên giải quyết ly hôn cho C và H.

Về con chung: Vợ chồng C có 01 con chung là Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017, khi vợ chồng C còn ở với bà bé N do một tay bà nuôi dưỡng khi đi C dẫn theo bé N, nếu C không nuôi nổi bé N thì giao cho H nuôi dưỡng còn nếu C yêu cầu được nuôi dưỡng thì giao cho C nuôi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Ông Nguyễn Minh H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông

vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 146, Điều 147, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017 cho bà Võ Thị Kim C tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Võ Thị Kim C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1994 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Kim C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Minh H nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim C, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Kim C và ông Nguyễn Minh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã O nay là thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192 ngày 08/8/2016 nên là hôn nhân hợp pháp, bà C có đơn xin ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy đời sống chung của bà C và ông H chỉ hạnh phúc một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn do ông H nghiện ngập, cờ bạc, đánh đập bà C và không có trách nhiệm với gia đình. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì bà C về nhà ba mẹ ở và tự chấm dứt quan hệ

hôn nhân với ông H. Điều đó chứng tỏ bà C đã không còn tình cảm với ông H cũng như không muốn trở về đoàn tụ.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà C và ông H có 01 con chung là Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017, hiện nay con đang ở với bà C, bà C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy cháu Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017 hiện cháu N còn nhỏ và đang ở với bà C. Bà C đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển của cháu N nên tiếp tục giao cho bà C nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim C được ly hôn ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Kim C tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Võ Mỹ N, sinh ngày 09/4/2017 đến khi trưởng thành, bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Võ Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà C đã nộp tại biên lai thu số: 0002976, ngày 23/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Võ Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các nguyên đơn, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Phan Rí Cửa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh